

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/12/2024
Về việc “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Long
2. Bà Nguyễn Thị Phù Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thẩm tra viên TAND thị xã Sông Cầu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2024/TLST –HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các phiên làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Tấn T trình bày được tóm tắt như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn T và chị Lê Thị Lê tự N đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn; được UBND xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69/2020 ngày 11/11/2020.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên anh T và bà L thường xuyên cãi vã nên anh T và chị Lê S ly thân cho đến nay đã hơn 02 năm. Nay anh T không còn tình cảm với chị L, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh T xác định anh và chị L có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Giáng T1, sinh ngày 06/02/2021. Ly hôn, anh T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Nếu chị L không đồng ý thì anh T đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong bản tự khai và các phiên làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày được tóm tắt như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê thống N1 như lời trình bày của anh T về việc kết hôn. Quá trình sống chung, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp, đã sống ly thân hơn 02 năm. Anh T hay đi làm xa, không gửi tiền về nuôi con, không làm tròn trách nhiệm với gia đình. Tuy nhiên, chị L vẫn còn tình cảm với anh T nên chị L không đồng ý ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung như anh T trình bày. Trường hợp ly hôn thì bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/11/2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*** Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tấn T với chị Lê Thị Lê . Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lê Giáng T1, sinh ngày 06/02/2021 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính này 02/12/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Buộc anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Tấn T xin ly hôn chị Lê Thị L và yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và

điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS; chị Lê cư T2 tại thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn T và chị Lê Thị Lê tự N kết hôn, được UBND xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69/2020 ngày 11/11/2020, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T: Theo lời trình bày của Nguyễn Tấn T nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, sống ly thân 02 năm nay, chị L cũng thừa nhận giữa chị và anh T tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, anh T đi làm ăn xa hơn 02 năm nay. Đồng thời qua làm việc với ông Lê Văn X cha ruột chị L, theo ông X cho biết, mâu thuẫn giữa anh T và chị Lê C đây mấy năm, vì T ăn chơi, cờ bạc, khoảng hơn 02 năm Thường đi làm ăn xa nên mâu thuẫn trầm trọng, hầu như không còn liên lạc gì với nhau; cha, mẹ hai bên đã gặp nhau để hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được và chị L có nói với ông X sẽ đồng ý ly hôn, ra Tòa ký ly hôn; cũng như vợ chồng L và T chấm dứt quan hệ vợ chồng từ rất lâu. Điều đó cho thấy tình cảm giữa anh T và chị L thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tấn T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh T và chị Lê S1 được 01 con chung tên Nguyễn Lê Giáng T1, sinh ngày 06/02/2021. Anh T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, nhưng chị L không đồng ý để anh T nuôi dưỡng mà chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ được anh T đồng ý nên giao cháu Nguyễn Lê Giáng T1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con, chị L yêu cầu tính từ ngày Hội đồng xét xử giải quyết xong vấn đề ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 02/12/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

+ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tấn T3 đối với chị Lê Thị Lê .

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Giáng T1, sinh ngày 06/02/2021 cho chị Lê Thị Lê trực T4 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 02/12/2024 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Nguyễn Tấn T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000555 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu. Anh T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Nguyên đơn anh T, bị đơn chị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND xã An Phú, Tp. Tuy Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng